

#	HCMUS ID	AUT ID	Family Name	First name	Cycle	25-Mar-19	26-Mar-19	27-Mar-19	28-Mar-19	29-Mar-19	Note
						Morning Room: 11E	Morning Room: 11E	Morning Room: 11E	Morning Room: 11E	Morning Room: 11E	
1	1659001	18021719	NGUYEN DAO PHUOC	AN	Cycle 10						
2	1659005	18021530	PHAM CONG	DANH	Cycle 10						
3	1659009	18021569	TO KY	HAI	Cycle 10						
4	1659011	18021912	LE MINH	HIEU	Cycle 10						
5	1659012	18021560	LE NGUYEN HAN	HOAN	Cycle 10						
6	1659013	18021967	TRAN LE	HUNG	Cycle 10						
7	1659015	18021653	TRAN DUC	HUY	Cycle 10						
8	1659016	18025548	LAM THAI GIA	HUY	Cycle 10						
9	1659017	18020459	LAM AI	JIN	Cycle 10						
10	1659019	18021911	NGUYEN TUNG	LAM	Cycle 10						
11	1659020	18022062	NGUYEN DANG GIA	LOC	Cycle 10						
12	1659021	18022028	NGO TA HOANG	MINH	Cycle 10						
13	1659022	18022057	HAN TO HOANG	NAM	Cycle 10						
14	1659024	18023128	NGUYEN HOANG	NAM	Cycle 10						
15	1659026	18021580	NGUYEN MINH	QUAN	Cycle 10						
16	1659027	18022052	PHAM XUAN	SON	Cycle 10						
17	1659028	18021838	NGUYEN QUOC	THIEN	Cycle 10						
18	1659029	18021762	TRAN HUNG	THINH	Cycle 10						
19	1659034	18021954	DO THIEN	Y	Cycle 10						
20	1559010	18021517	HOANG MINH	DUNG	Cycle 10						
21	1559031	18022053	VU QUANG	MINH	Cycle 10						
22	1559037	17983486	NGUYEN DINH	THONG	Cycle 9						
23	1459002	16944012	LE HAI	ANH	Cycle 10						
24	1459019	18021546	NGUYEN NGUYEN	HOANG	Cycle 10						
25	1459020	18021856	CHAU DUC	HOI	Cycle 10						
26	1359032	18021534	HUYNH QUOC	HUY	Cycle 10						
27	1259018	18031887	DUONG HOANG TUAN	KIET	Cycle 10						